

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế ; Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN THỊ NHUNG**

2. Ngày tháng năm sinh: 01/6/1984; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 2A, Ngách 150/80, phố Kim Hoa, phường Phương Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng C804, The Zen Gamuda, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0962896668;

E-mail: ntnhung@vnu.edu.vn; nguyenthinhung.1684@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 4 năm 2023 đến nay: Giảng viên, Chủ nhiệm Bộ môn Đầu tư tài chính - Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

- Từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 3 năm 2023: Giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

- Từ tháng 1 năm 2010 đến tháng 9 năm 2010: Chuyên viên Phòng Đầu tư, Ngân hàng thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex (PGBank).

- Từ tháng 3 năm 2017 tới tháng 9 năm 2018: Nhân viên Phòng Phân tích, Công ty Cổ phần chứng khoán FPT (FPTS).

- Chức vụ hiện nay: Chủ nhiệm Bộ môn Đầu tư tài chính, Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

- Chức vụ cao nhất đã qua: Chủ nhiệm Bộ môn Đầu tư tài chính, Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

- Địa chỉ cơ quan: Phòng 710, Tòa E4, số 144 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại cơ quan: 02437547506.

- Trình giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

• Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 12 năm 2006;

Số văn bằng: C820080; ngành: Kinh tế đối ngoại, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Ngoại thương, Việt Nam

• Được cấp bằng ThS ngày 18 tháng 12 năm 2009;

Số văn bằng: BORDIV 7913526; ngành: Kinh tế và tài chính quốc tế, Chuyên ngành: Ngân hàng, tài chính và thương mại quốc tế.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Bordeaux, Cộng hòa Pháp

• Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 02 năm 2016;

Số văn bằng: UNIVBOR 11737159; ngành: Kinh tế; chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Bordeaux, Cộng hòa Pháp

• Được cấp bằng TSKH ngày tháng năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm

ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQGHN.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: KINH TẾ

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Sau hơn 7 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học, cũng như sau khi được công nhận học vị Tiến sĩ, tôi tập trung vào 3 hướng nghiên cứu chủ yếu sau đây:

- **Hướng nghiên cứu 1:** Nghiên cứu về thị trường chứng khoán, bao gồm: thị trường cổ phiếu, thị trường trái phiếu và thị trường các công cụ phái sinh.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 1 bao gồm:

- Hướng dẫn học viên: Số thứ tự [1], [2], [3], [6], [10], [11], [17], [18] (8/18 HVCH)
- Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [2], [3], [4] (3/4 sách)
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [5] (1/5 đề tài)
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [2], [4], [7], [12], [13], [14], [16], [21], [22], [24], [25], [27], [28], [29], [31], [32], [33], [34], [35], [38], [39], [41], [42] (23/42 bài báo)

- **Hướng nghiên cứu 2:** Nghiên cứu về hệ thống ngân hàng và các ngân hàng thương mại, như tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, hoạt động của các ngân hàng thương mại.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 2 bao gồm:

- Hướng dẫn học viên: Số thứ tự [4], [5], [7], [8], [9], [12], [13], [14], [15], [16] (10/18 HVCH)
- Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [1] (1/4 sách)
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [1], [2], [3] (3/5 đề tài)
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [1], [3], [5], [8], [20], [23], [26] (7/42 bài báo)

- **Hướng nghiên cứu 3:** Nghiên cứu về phát triển bền vững và tài chính cho phát triển bền vững, như: các công cụ xanh, tài chính khí hậu tiêu dùng xanh.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 3 bao gồm:

- Hướng dẫn học viên: 0/14 HVCH)
- Sách phục vụ đào tạo: (0/4 sách)
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [4] (1/5 đề tài)
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [6], [9], [10], [11], [15], [17], [18], [19], [30], [36], [37], [40] (12/42 bài báo)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **18 học viên cao học** bảo vệ thành công và đã nhận bằng Thạc sĩ, hiện đang hướng dẫn 03 nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

- Đã hoàn thành và nghiệm **thu 05 đề tài NCKH** các cấp. Cụ thể:

○ Chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp cơ sở có mã số như sau: (i) KT.16.03 (nghiệm thu năm 2017) và (ii) KT.19.05 (nghiệm thu năm 2021).

○ Thành viên 01 đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số QG.17.34 (nghiệm thu năm 2019).

○ Thư kí 01 đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số QG.18.25 (nghiệm thu năm 2020).

○ Thành viên, chuyên gia trong nước của 01 đề tài UNDP (thanh lý hợp đồng năm 2022).

- Đã công bố (số lượng) **42 bài báo khoa học**, trong đó có 9 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế (7 bài thuộc danh mục ISI/Scopus), 22 bài báo đăng trên tạp chí chuyên

ngành trong nước (có chỉ số ISSN), 11 bài nghiên cứu đăng trên hội thảo, kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế.

- Đã chủ trì biên soạn **01 ngân hàng câu hỏi thi**, chỉnh sửa **02 ngân hàng câu hỏi thi** hệ cử nhân, và biên soạn **03 đề cương học phần** của chương trình đào tạo Thạc sĩ.
Cụ thể:

o Chương trình đào tạo Cử nhân: (i) Biên soạn Ngân hàng câu hỏi thi môn Quản lý đầu tư (03 tín chỉ); (ii) Chỉnh sửa Ngân hàng câu hỏi thi môn Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu (03 tín chỉ); (iii) Chỉnh sửa Ngân hàng câu hỏi thi môn corporate finance 2 (Tiếng Anh; 03 tín chỉ)

o Chương trình đào tạo Thạc sĩ: (i) Biên soạn Đề cương môn học Các công cụ phái sinh nâng cao (02 tín chỉ); (ii) Biên soạn Đề cương môn học Các công cụ có thu nhập cố định nâng cao (03 tín chỉ); (ii) Biên soạn Đề cương môn học Quản trị danh mục đầu tư (03 tín chỉ)

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Năm 2022: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo dành cho giảng viên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021.

- Năm 2022: Giấy khen của Hiệu trưởng và Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN dành cho giảng viên đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Trường Đại học Kinh tế nhân dịp 15 năm thành lập Trường.

- Năm 2021: Bằng khen của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà nội dành cho giảng viên đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2020-2021.

- Năm học 2019-2020: Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN dành cho giảng viên tiêu biểu.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong công tác giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu khoa học sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh (sau đây gọi là người học), tôi luôn xác định ưu tiên số 1 dành cho các em. Tôi nghĩ, nhiệm vụ của giảng viên không chỉ là truyền đạt kiến thức chuẩn chỉnh về môn học mà quan trọng hơn nữa đó là việc giúp người học xây dựng tư duy trong học tập, nghiên cứu và làm việc cũng như truyền động lực, khát vọng cho các em. Muốn vậy, trước hết bản thân giảng viên phải là người uy tín (uy tín về kiến thức và

uy tín về nhân cách) để người học tin tưởng, đồng thời cũng phải là người nhiệt tình hỗ trợ các em. Ngoài ra, tôi luôn có ý thức trau dồi đạo đức cho chính bản thân, đồng thời luôn hướng tới những khía cạnh tốt của đồng nghiệp và người học nhằm tạo dựng không khí thân mật, đoàn kết và vui vẻ nơi làm việc.

Bên cạnh đó, bản thân tôi ý thức rất rõ về thách thức của giảng viên trong giai đoạn hiện nay, khi mà yêu cầu về nghiên cứu khoa học và giảng dạy ngày càng cao. Hàng năm, mỗi giảng viên đều phải hoàn thành các mục tiêu về giờ giảng, nghiên cứu khoa học cũng như phải có các công bố quốc tế. Với bản thân mình, tôi luôn luôn không ngừng trau dồi ngoại ngữ (tiếng Anh và tiếng Pháp) để có thể dễ dàng tiếp cận và cập nhật với những khái niệm, kiến thức mới trong lĩnh vực kinh tế nói chung, và tài chính ngân hàng nói riêng. Tôi vẫn duy trì hoạt động tự học, tự nâng cao trình độ trên các trang web miễn phí như Coursera về kỹ năng giảng dạy, về kiến thức chuyên môn, cũng như các phần mềm như Stata, Eviews, SPSS, AMOS, Matlab, Python... để phục vụ cho công tác giảng dạy và công bố quốc tế.

Vì vậy, tôi tự nhận thấy mình đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn và đạo đức của Nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 7 năm 2 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018			1	3	180	197	377/556.5/270
2	2018-2019			3	2	225	135	360/549/229.5
3	2019-2020			2	2	225	180	405/602.5/229.5
03 năm học cuối								
4	2020-2021			4	3	111	135	246/343.5/229.5
5	2021-2022			4	3	210	150	360/453/229.5
6	2022-2023			4	9	183	60	243/374.4/225

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Áp dụng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2015 của Trường Đại học Kinh tế ban hành kèm theo Quyết định số 929/QĐ-ĐHKT ngày 25/03/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu. Áp dụng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 của Trường Đại học Kinh tế ban hành kèm theo Quyết định số 1729/QĐ-ĐHKT ngày 14/06/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp, Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS và luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Pháp năm 2009 và 2015.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Viết bài báo khoa học bằng Tiếng Anh, tham gia các nghiên cứu của UNDP bằng tiếng Anh, sử dụng Tiếng Anh trong công việc hàng ngày bao gồm công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 6.5 (2021)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Đỗ Quang Hưởng		X	X		2017-2018	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	3359/QĐ-ĐHKT ngày 18/12/2018
2	Vũ Thúy Nga		X	X		2018-2019	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	768/QĐ-ĐHKT ngày 27/03/2019

3	Lê Thị Như Ngọc		X	X		2018-2019	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	768/QĐ-ĐHKT ngày 27/03/2019
4	Nguyễn Diệu Ly		X	X		2018-2019	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	3785/QĐ-ĐHKT ngày 17/12/2019
5	Phạm Thùy Dung		X	X		2019-2020	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	767/QĐ-ĐHKT ngày 27/03/2020
6	Trịnh Thị Minh Thảo		X	X		2017-2020	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	2255/QĐ-ĐHKT ngày 21/08/2020
7	Đàm Thị Hải Linh		X	X		2020-2021	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	582/QĐ-ĐHKT ngày 26/02/2021
8	Đàm Xuân Cường		X	X		2020-2021	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	582/QĐ-ĐHKT ngày 26/02/2021
9	Nguyễn Kim Dung		X	X		2020-2021	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	582/QĐ-ĐHKT ngày 26/02/2021
10	Nguyễn Thị Dung		X	X		2020-2021	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	1928/QĐ-ĐHKT ngày 30/06/2021
11	Nguyễn Hà Uyên		X	X		2021-2022	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	643/QĐ-ĐHKT ngày 08/03/2022
12	Lê Xuân Thành		X	X		2021-2022	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	643/QĐ-ĐHKT ngày 08/03/2022
13	Bùi Thị Ngọc Tâm		X	X		2018-2022	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	1684/QĐ-ĐHKT ngày 6/6/2022
14	Nguyễn Duy Đức		X	X		2021-2022	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	446/QĐ-ĐHKT ngày 24/02/2023
15	Lê Đăng Hoàng		X	X		2022-2023	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	446/QĐ-ĐHKT ngày 24/02/2023
16	Nguyễn Trọng Quyền		X	X		2022-2023	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	446/QĐ-ĐHKT ngày 24/02/2023

17	Lê Thị Tâm		X	X		2022-2023	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	446/QĐ-ĐHKT ngày 24/02/2023
18	Nguyễn Thị Huệ		X	X		2022-2023	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	2111/QĐ-ĐHKT ngày 22/06/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

Hướng dẫn HVCH theo các hướng nghiên cứu sau:

- Hướng nghiên cứu số 1: Số thứ tự [1], [2], [3], [6], [10], [11], [17], [18] (8/18 HVCH)
- Hướng nghiên cứu số 2: Số thứ tự [4], [5], [7], [8], [9], [12], [13], [14], [15], [16], (10/18 HVCH)
- Hướng nghiên cứu số 3: (0/18 HVCH)

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Chứng khoán hóa nợ xấu Ngân hàng: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam	CK	2019	02	TS. Trần Thị Vân Anh; TS. Nguyễn Thị Nhung	31-68 121-171	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN
2	Hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ tại Việt Nam: Lý thuyết, thực trạng và giải pháp	CK	2019	19	PGS.TS. Đào Văn Hùng	4-52	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN
3	Các công cụ phái sinh	GT	2020	03	PGS.TS. Lê Trung Thành	61-109 197-308	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

4	Tâm lý hành vi của nhà đầu tư: Trường hợp thị trường chứng khoán Việt Nam	CK	2021	03	TS. Trần Thị Vân Anh	21-52 187-204	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN
---	---	----	------	----	----------------------	------------------	---------------------------------

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: **01 sách**

Biên soạn sách theo các hướng nghiên cứu sau:

- **Hướng nghiên cứu số 1:** Số thứ tự [2], [3], [4] (3/4 sách)
- **Hướng nghiên cứu số 2:** Số thứ tự [1] (1/4 sách)
- **Hướng nghiên cứu số 3:** (0/4 sách)

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	ĐT: Đánh giá kết quả Tái cơ cấu hệ thống NH giai đoạn 2011-2015	CN	KT.16.03 Cấp cơ sở	2016- 2017	Quyết định giao nhiệm vụ thực hiện đề tài số 2403/QĐ-ĐHKT ngày 29/8/2016. Hợp đồng triển khai thực hiện đề tài số 57/HĐ-NCKH Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài NCKH ngày 24/08/2017 Xếp loại: Tốt

2	ĐT: Nghiên cứu đánh giá tác động của Hội nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN đến năng lực cạnh tranh của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam	Thành viên	QG.17.34 Đại học Quốc gia Hà Nội	2017-2019	Quyết định giao nhiệm vụ thực hiện đề tài số 1457/QĐ-ĐHQGHN ngày 4/5/2017 Hợp đồng triển khai thực hiện đề tài số 50/HĐ-KH&CN Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài NCKH ngày 26/04/2019 Xếp loại: Xuất sắc
3	ĐT: Chứng khoán hóa nợ xấu ngân hàng: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam.	TK - Thành viên	QG.18.25 Đại học Quốc gia Hà Nội	3/2018 - 12/2019	Quyết định giao nhiệm vụ thực hiện đề tài số 37/QĐ-ĐHQGHN ngày 3/1/2018 Hợp đồng triển khai thực hiện đề tài số 8/HĐ-KH&CN Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài NCKH ngày 05/12/2019 Xếp loại: Khá
4	ĐT: Các nhân tố ảnh hưởng tới tiêu dùng xanh của các hộ gia đình tại Hà Nội	CN	KT.19.05 Cấp cơ sở	12/2019 - 12/2021	Quyết định giao nhiệm vụ thực hiện đề tài số 3976/QĐ-ĐHKT ngày 24/12/2019 Hợp đồng triển khai thực hiện đề tài số 151/HĐ-NCKH Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài NCKH ngày 21/12/2021 Xếp loại: Tốt
5	Review bottlenecks and make recommendations for development of domestic capital markets	Thành viên, chuyên gia trong nước	UNDP	10/2021 - 06/2022	Thanh lý hợp đồng ngày 8/6/2022

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Đề tài khoa học theo các hướng nghiên cứu sau:

- **Hướng nghiên cứu số 1:** Số thứ tự [5] (1/5 đề tài)
- **Hướng nghiên cứu số 2:** Số thứ tự [1], [2], [3] (3/5 đề tài)
- **Hướng nghiên cứu số 3:** Số thứ tự [4] (1/5 đề tài)

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
II	Sau khi được công nhận TS							
II.1	Tạp chí quốc tế trong danh mục ISI, Scopus							
1	Has Merger and Acquisition been considered as a method of handling with weak banks? Evidence from the 3rd bank restructuring process in Vietnam	2	X	Banks and Bank Systems (ISSN: 1816-7403 eISSN: 1991-7074)	Scopus IF=0.932 Q3	14(1) 193-210	http://dx.doi.org/10.21511/bbs.14(1)2019.17	2019
2	Price discovery and information transmission across stock index futures: Evidence from VN 30 Index Futures on Vietnam's stock market	5	X	Investment Management and Financial Innovations (ISSN: 1810-4967 eISSN: 1812-9358)	Scopus IF=0.817 Q4	16(4)	http://dx.doi.org/10.21511/imfi.16(4).2019.23	2019
3	Impact of Bank Credit on export to ASEAN countries: Empirical study of Vietnam	4	X	Asia & The Pacific Policy Studies (eISSN: 2050-2680)	Scopus IF=2.381 Q1	7(1)	https://doi.org/10.1002/app5.290	2020

4	Hedging with commodity futures: evidence from the coffee market in Vietnam	4	X	Investment Management and Financial Innovations (ISSN 1810-4967 eISSN 1812-9358)	Scopus IF=0.817 Q4	17(4) 61-75 http://dx.doi.org/10.21511/imfi.17(4).2020.06	2020
5	Dealing with non-performing loans during the bank restructuring process in Vietnam: Assessment using the AHP and TOPSIS methods	2	X	Gadjah Mada International Journal of Business (ISSN 1411-1128 eISSN 2338-7238)	Scopus IF=1.067 Q3	22 (3) 10.22146/gamaijb.44453	2020
6	Organic Food Consumption among Households in Hanoi: Importance of Situational Factors	2	X	Sustainability	SSCI/Scopus IF=3.889 Q2	13(22) https://doi.org/10.3390/su132212496	2021
7	Why are Vietnamese people susceptible to cryptocurrency ponzi schemes? Findings from using the PLS-SEM approach	4	X	Journal of Financial Crime (ISSN: 1359-0790 eISSN: 1359-0790)	Scopus IF=1.064 Q2	https://doi.org/10.1108/JFC-12-2022-0299	2023
II.2	Tạp chí quốc tế khác						
8	Cross-border banking services and Determinants of bank selection from corporate customer's perspective: Evidence from Vietnam	3	X	Accounting and Finance Research (ISSN: 1927-5986 eISSN: 1927-5994)		8 (1) https://doi.org/10.5430/afr.v8n1p138	2019

9	The effectiveness of financial sources for climate change in Vietnam	4	X	Journal of Asian finance, economics and business (ISSN: 2288-4637 eISSN: 2288-4645)			10 (1) 0189-01999 doi:10.13106/jafeb.2023.vol10.no1.0189	2023
II.3 Hội thảo quốc tế								
10	Renewable Energy Financing: Implications for Vietnam from International Experiences	1	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Financing for Innovation, Entrepreneurs and Renewable Energy Development” ISBN: 978-604-67-0953-4			497-514	2017
11	Green Bank in Vietnam: Level of development and determinants	3		Kỷ yếu hội thảo quốc tế “International conference on contemporary issues in finance, banking and accounting for sustainable development” ISBN: 987-604-67-1458-3			349-371	2020
12	Retail Investors’ trading behaviors and determinants: Evidence from the Vietnam stock market	2	X	International Conference “The 2021 Global Forum for Financial Consumers”				2020

13	Ảnh hưởng của giao dịch khối ngoại tới thị trường chứng khoán Việt Nam	3	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “The 7th International Conference for Young Researchers in Economics and Business” (ICYREB 2021) ISBN: 978-604-343-392-0			2 487-499	2021
14	The interactions between exchange rate and stock market index in Vietnam: an application of VECM model	1	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “The international Conference on Research in Management & Technovation” (ICRMAT 2021). ISSN: 2300-5963			28 249-252	2021
15	Climate finance in Vietnam	2	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế "The international Conference on Contemporary Issues in Sustainable Development 2021" ISBN: 978-604-67-2127-7			1 272-281	2021
16	Effects of Market Liquidity on the Relationship between Stock Liquidity and Stock Volatility: Case of Real Estate Stocks in Vietnam	2		Kỷ yếu hội thảo quốc tế “International Conference on Accounting and Finance (ICOAF)”				2023

II.4		Hội thảo quốc gia						
17	Điều kiện vận hành thị trường trái phiếu xanh và hàm ý cho Việt Nam	3	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: “Cách mạng công nghiệp 4.0 và những đổi mới trong lĩnh vực tài chính - Ngân hàng” ISBN: 978-604-946-449-2			305-320	2018
18	Đầu tư xanh: Cơ hội và thách thức	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: “Hình thành và phát triển hệ thống tài chính xanh: Cơ sở lý thuyết và kinh nghiệm” ISBN: 978-604-57-1273-2			114-128	2019
19	Tiêu dùng xanh và thực trạng tại Việt Nam	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: “Cơ hội và thách thức phát triển hệ thống tài chính xanh ở Việt Nam” ISBN: 978-604-67-1552-8			234-242	2020
20	Mua lại ngân hàng 0 đồng: Một số vấn đề trao đổi	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Cơ hội và thách thức phát triển hệ thống tài chính xanh ở Việt Nam” ISBN: 978-604-67-1552-8			268-280	2020

II.5		Tạp chí trong nước						
21	Thị trường ngoại hối Việt Nam sau hơn 1 năm thực hiện cơ chế tỷ giá trung tâm	2		Tạp chí Ngân hàng (ISSN: 08666-7462)			11; 10-13	2017
22	Sở giao dịch dành cho các mặt hàng nông sản: Kinh nghiệm của các quốc gia và hàm ý cho Việt Nam	2	X	Tạp chí Ngân hàng (ISSN: 08666-7462)			12; 50-57	2017
23	Ngân hàng xuyên biên giới: Hàm ý cho Việt Nam từ kinh nghiệm quốc tế	2	X	Tạp chí Ngân hàng (ISSN: 08666-7462)			18; 51-58	2017
24	Sở giao dịch hàng hóa tại Việt Nam: Trường hợp giao dịch kỳ hạn cà phê	1	X	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh			33(3) 74-83	2017
25	Đo lường tính thanh khoản trên thị trường Trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam	2	X	Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ (ISSN: 1859-2805)			7; 33-37	2019
26	Tổ chức quản trị dữ liệu trong NHTM: Các thông lệ quốc tế và hàm ý cho Việt Nam	1	X	Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ (ISSN: 1859-2805)			9; 20-27	2020
27	Bài toán phòng vệ rủi ro về giá cà phê tại Việt Nam	4	X	Tạp chí Tài chính doanh nghiệp (ISSN: 1859-3887)			4; 20-27	2020
28	Các mặt hàng nông sản Việt Nam: Rủi ro về giá và vấn đề phòng vệ	2	X	Tạp chí Tài chính doanh nghiệp (ISSN: 1859-3887)			12; 10-16	2020

29	Đo lường tác động của các yếu tố tâm lý tới thị trường chứng khoán Việt Nam	3	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			289; 24-34	2021
30	Thực trạng tiêu dùng thực phẩm hữu cơ tại Việt Nam	3	X	Tạp chí Tài chính doanh nghiệp (ISSN: 1859-3887)			7; 19-23	2021
31	Efficiency of Bollinger Bands in Forward Operations for Agricultural Products in Vietnam	3	X	VNU Journal of Economics and Business (ISSN: 2734-9845; 2815-5858 eISSN: 2734-9861)			1(2) https://journals.vnu.edu.vn/EA/B/article/view/4604	2021
32	Phát triển tài chính nông thôn: kinh nghiệm của các quốc gia và bài học cho Việt Nam	2	X	Tạp chí Tài chính doanh nghiệp (ISSN: 1859-3887)			11; 12-15	2021
33	Phát triển Fintech: Kinh nghiệm quốc gia và bài học cho Việt Nam	2	X	Tạp chí Tài chính doanh nghiệp (ISSN: 1859-3887)			5 59-63	2021
34	Lừa đảo đầu tư vào tiền mã hóa theo mô hình Ponzi: Thực trạng tại Việt Nam	4	X	Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ (ISSN: 1859-2805)			11; 34-41	2022
35	Hành vi thao túng trên thị trường chứng khoán Việt Nam	2		Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ (ISSN: 1859-2805)			18; 34-40	2022

36	Phát triển trái phiếu xanh tại Việt Nam	2	X	Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ (ISSN: 1859-2805)			19; 25-31	2022
37	Thực trạng các nguồn vốn tài chính khí hậu tại Việt Nam	4	X	Tạp chí phát triển bền vững vùng (ISSN: 2354-0729)			12(3); 82-93	2022
38	Interdependence of stock markets: Evidence from Vietnam	3		Journal of International Economics and Management (ISSN: 2615-9856)			22(3); https://doi.org/10.38203/jiem.022.3.0056	2022
39	Thực trạng thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam	2		Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ (ISSN: 1859-2805)			23: 18-26	2022
40	Nguồn vốn đầu tư xanh từ khu vực nước ngoài tại Việt Nam: Thực trạng và định hướng chính sách	2		Tạp chí ngân hàng (ISSN: 2815-6048)			3; 51-59	2023
41	Foreign Investor Trading and Stock Market Stability: Evidence from VN30	3	X	VNU Journal of Economics and Business (ISSN: 2734-9845; 2815-5858 eISSN: 2734-9861)			3(2) https://doi.org/10.57110/vnujeb.v3i2.156	2023
42	Tác động của thị trường chứng khoán phái sinh đến thị trường chứng khoán cơ sở: Trường hợp chỉ số VN 30	2	X	Tạp chí kinh tế & Kinh doanh ISSN: 2734-9845; 2815-5858 eISSN: 2734-9861)			3(3) https://doi.org/10.57110/jebvn.v3i1.222	2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **07 bài thuộc danh mục ISI/Scopus, trong đó 04 bài đồng thời là tác giả số đứng đầu và tác giả liên hệ - Số thứ tự [1], [2], [4], [7]; và 03 bài là tác giả liên hệ - Số thứ tự [3], [5], [6].**

Bài báo và báo cáo khoa học theo các hướng nghiên cứu sau:

- **Hướng nghiên cứu số 1:** Số thứ tự [2], [4], [7], [12], [13], [14], [16], [21], [22], [24], [25], [27], [28], [29], [31], [32], [33], [34], [35], [38], [39], [41], [42] (23/42 bài báo)
- **Hướng nghiên cứu số 2:** Số thứ tự [1], [3], [5], [8], [20], [23], [26] (7/42 bài báo)
- **Hướng nghiên cứu số 3:** Số thứ tự [6], [9], [10], [11], [15], [17], [18], [19], [30], [36], [37], [40] (12/42 bài báo)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
...							

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
...					

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng (Rà soát, điều chỉnh và biên soạn bổ sung ngân hàng câu hỏi thi học phần Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu - 03 tín chỉ, tiếng Việt)	Chủ trì	Hợp đồng số 85/HĐ-ĐHKT-ĐBCK ngày 23/03/2021	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Quyết định ban hành số 3283/QĐ-ĐHKT ngày 20/10/2021 Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 26/11/2021	
2	Chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng (Rà soát, điều chỉnh và biên soạn bổ sung ngân hàng câu hỏi thi học phần Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu - 03 tín chỉ, tiếng Anh)	Chủ trì	Hợp đồng số 86/HĐ-ĐHKT-ĐBCL ngày 23/03/2021	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Quyết định ban hành số 3283/QĐ-ĐHKT ngày 20/10/2021 Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 26/11/2021	
3	Chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng (Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi học phần Quản lý đầu tư - 03 tín chỉ)	Chủ trì	Hợp đồng số 88/HĐ-ĐHKT-ĐBCK ngày 23/03/2021	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Quyết định ban hành số 3480/QĐ-ĐHKT ngày 09/11/2021 Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 26/11/2021	

4	Chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính ngân hàng (Xây dựng đề cương học phần Các công cụ phái sinh nâng cao - 02 tín chỉ)	Chủ trì	Hợp đồng số 51/23/ĐHKT-ĐCHP ngày 6/2/2023	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Quyết định thành lập HĐ nghiệm thu đề cương số 1701/QĐ-ĐHKT ngày 23/5/2023 Biên bản nghiệm thu đề cương ngày 14/6/2023
5	Chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính ngân hàng (Xây dựng đề cương học phần Các công cụ có thu nhập cố định nâng cao - 03 tín chỉ)	Chủ trì	Hợp đồng số 51/23/ĐHKT-ĐCHP ngày 6/2/2023	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Quyết định thành lập HĐ nghiệm thu đề cương số 1711/QĐ-ĐHKT ngày 23/5/2023 Biên bản nghiệm thu đề cương ngày 14/6/2023
6	Chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính ngân hàng (Xây dựng đề cương học phần Quản trị danh mục đầu tư - 03 tín chỉ)	Chủ trì	Hợp đồng số 53/23/ĐHKT-ĐCHP ngày 6/2/2023	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Quyết định thành lập HĐ nghiệm thu đề cương số 1704/QĐ-ĐHKT ngày 23/5/2023 Biên bản nghiệm thu đề cương ngày 14/6/2023

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Nguyễn Thị Nhung', written over a horizontal line.

TS. Nguyễn Thị Nhung